TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN ĐỒ SƠN** **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 15/2023/HS-ST Ngày 08-6-2023	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN ĐỒ SƠN, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Hoàng

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Hoàng Thị Yến

Bà Lê Thị Mai Hương

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Nguyễn Thị Nghiệp - Thư ký Tòa án nhân dân quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Ông Bùi Việt Dũng - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 11/2023/TLST-HS ngày 14/4/2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 16/2023/QĐXXST-HS ngày 22/5/2023 đối với bị cáo:

VŨ DOÃN T, sinh ngày 26 tháng 12 năm 1985 tại Hải Phòng. Nơi cư trú: Thôn 1, xã B, huyện A, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lái xe; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Doãn X, sinh năm 1957 và bà Lê Thị T, sinh năm 1957; bị cáo có vợ là Lê Thị H, sinh năm 1990 và 03 con, con thứ nhất sinh năm 2007, con thứ ba sinh năm 2018; tiền án, tiền sự, nhân thân: Không; bị cáo bị tạm giữ từ ngày 06/9/2022 đến ngày 15/9/2022 được thay đổi bằng biện pháp ngăn chặn "Cấm đi khỏi nơi cư trú" từ ngày 16/9/2022; có mặt, đã được triệu tập hợp lệ.

- *Bị hại:* Chị Triệu Thị M, sinh năm 1997; đăng ký HKTT: Thôn X, xã M, huyện H, tỉnh Tuyên Quang; hiện cư trú tại: Tổ dân phố C, phường H, quận Đ, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

- *Người làm chứng:* Anh Nguyễn Đức N, bà Trần Thị L, anh Lò Văn H; đều vắng mặt, đã được triệu tập hợp lệ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Giữa Vũ Doãn T với chị Triệu Thị M, sinh năm 1997, đăng ký HKTT tại thôn X, xã M, huyện H, tỉnh Tuyên Quang, hiện cư trú tại tổ dân phố C, phường H, quận Đ, thành phố Hải Phòng có mối quan hệ tình cảm, yêu nhau từ tháng 01/2022. T cùng chị M nhiều lần quan hệ tình dục, T sử dụng điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Note 10 của T chụp 05 ảnh chị M đang khỏa thân; ghi hình Video clip quan hệ tình dục giữa T với chị M và chụp lại 01 ảnh trong Video này. Việc T chụp ảnh và ghi hình Video clip chị M không biết. Đến tháng 5/2022, do không có tiền chi tiêu cá nhân, T nảy sinh ý định chiếm đoạt tiền của chị M. T sử dụng tài khoản trên mạng xã hội Facebook của T có tên là "Trieu Vy" gửi 06 ảnh T đã chụp lại từ trước vào tài khoản trên mạng xã hội Facebook của chị M có tên là "Mễ Mễ" và nhắn tin yêu cầu chị M phải đưa tiền cho T nếu không T sẽ gửi các hình ảnh khoả thân và Video clip ghi hình quan hệ tình dục của chị M cho bạn bè, người thân của chị M và sẽ đăng các hình chụp, Video clip lên mạng xã hội. Do lo sợ hình ảnh, Video nhạy cảm của mình bị gửi đến gia đình, bạn bè, chị M đã đồng ý thực hiện theo yêu cầu của T. Từ ngày 20/5/2022 đến ngày 03/9/2022, T đã nhiều lần nhắn tin, đe dọa buộc chị M phải đưa tiền cho T 04 lần như sau:

Lần thứ nhất: Ngày 20/5/2022, T đi đến cửa hàng điện thoại của anh Nguyễn Đức N, sinh năm 2000, đăng ký HKTT và cư trú tại thôn Đ, xã B, huyện A, thành phố Hải Phòng xin số tài khoản ngân hàng của anh N số 9704229294073361 mở tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội. T gửi số tài khoản của anh N cho chị M và đe dọa, yêu cầu chị M chuyển khoản 5.000.000^{đ} (năm triệu đồng). Chị M sử dụng số tài khoản của mình số 108870518069 tại Ngân hàng Thương mại cổ phần Công thương Việt Nam chuyển vào số tài khoản của anh Ngọc 2.000.000^{đ} (hai triệu đồng). *Lần thứ hai:* Ngày 23/5/2022, T đến cửa hàng bán thẻ điện thoại của bà Trần Thị L, sinh năm 1960, đăng ký HKTT và cư trú tại thôn A, xã A, huyện A, thành phố Hải Phòng xin số tài khoản ngân hàng của chị Lê số 2460142355157 tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân Đội. T gửi số tài khoản của bà L cho chị M và đe dọa, yêu cầu chị M chuyển khoản 2.000.000^{đ} (hai triệu đồng). Chị M sử dụng số tài khoản của mình chuyển vào số tài khoản của bà Lê 2.000.000^{đ} (hai triệu đồng). *Lần thứ ba:* Ngày 30/8/2022, T sử dụng số điện thoại 0936.950219 của T nhắn tin đến số điện thoại của chị M 0342.208696 đe dọa, yêu cầu chị M chuyển khoản đến số tài khoản của anh N 4.000.000^{đ} (bốn triệu đồng). Chị M sử dụng số tài khoản của mình chuyển vào số tài khoản của anh N 1.000.000^{đ} (một triệu đồng). *Lần thứ tư:* Ngày 03/9/2022, khi đang ngồi uống nước tại khu vực chân cầu Trạm Bạc, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng. T gặp và

làm quen với anh Lò Văn H, đăng ký HKTT và cư trú tại: B, xã N, huyện M, tỉnh Điện Biên. T xin số tài khoản ngân hàng của anh Hải số 8916205088646 tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam. Sau đó, T sử dụng số điện thoại của T nhắn tin số tài khoản của anh Hải cho chị M và đe dọa, yêu cầu chị M chuyển khoản 3.000.000đ (ba triệu đồng). Chị M sử dụng số tài khoản của mình chuyển vào số tài khoản của anh Hải 1.000.000đ (một triệu đồng). Sau đó, T tiếp tục nhắn tin đe doạ, ép buộc Mơ phải chuyển đủ số tiền như T đã yêu cầu nhưng chị M không đồng ý. Ngày 04/9/2022, chị M đến Công an quận Đồ Sơn trình báo sự việc bị T đe doạ để chiếm đoạt 04 lần với tổng số tiền 6.000.000đ (sáu triệu đồng).

Ngày 05/9/2022, Vũ Doãn T đến Công an quận Đồ Sơn đầu thú, giao nộp 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy A23. T khai điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Note 10, T sử dụng để chụp ảnh chị M khỏa thân và ghi hình Video clip quan hệ tình dục giữa T với chị M, T đã bán cho người khác (hiện chưa xác định được tên tuổi, địa chỉ); điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy A23 T sử dụng để nhắn tin đe dọa, buộc chị M chuyển tiền cho T và khai sau 04 lần chị M chuyển 6.000.000đ (sáu triệu đồng) của chị vào tài khoản của anh Ngọc, bà Lê, anh Hải, T đã nhận lại đủ số tiền đó, chi tiêu cá nhân hết. T đã bồi thường chị M đủ 6.000.000đ (sáu triệu đồng), chị M không yêu cầu bị cáo bồi thường gì khác và xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho T.

Về vật chứng: Cơ quan điều tra thu giữ 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung A23 (ký hiệu A) đã chuyển theo biên bản giao nhận ngày 19/4/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự quận Đồ Sơn quản lý, phục vụ việc xét xử vụ án; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Note 10, hiện chưa thu hồi được.

Tại bản kết luận giám định số 575/KL-KTHS(KTS) ngày 09/12/2022 của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an thành phố Hải Phòng, kết luận: Trong mẫu giám định ký hiệu A: Tìm thấy 49 cuộc gọi, 01 tin nhắn tức thì, 44 cuộc hội thoại bằng ứng dụng Messenger, 16 cuộc hội thoại Native Messenger được lưu trong máy. Nội dung chi tiết các dữ liệu được thể hiện tại thư mục có tên "A" lưu trong đĩa CD kèm theo; không tìm thấy dữ liệu được lưu trong SIM.

Về trách nhiệm dân sự: T đã bồi thường đủ số tiền 6.000.000đ (sáu triệu đồng) chiếm đoạt của chị M, chị không yêu cầu T bồi thường gì khác.

Tại Cơ quan điều tra, T khai nhận toàn bộ hành vi 04 lần "Chiếm đoạt tài sản" của chị M với tổng số tiền 6.000.000đ (sáu triệu đồng); bị hại chị M, những người làm chứng gồm anh Ngọc, bà Lê, anh Hải khai: Phù hợp với lời khai của T về thời gian, địa điểm T chiếm đoạt tài sản của chị M khi chị chuyển tiền từ tài khoản của chị vào tài khoản của anh N, bà L, anh H; T đã bồi thường chị M nhận

lại đủ số tiền 6.000.000đ (sáu triệu đồng) chiếm đoạt của chị. Chị không yêu cầu bị cáo phải bồi thường gì khác và có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho T phù hợp với vật chứng thu giữ, kết luận giám định và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án.

Cơ quan điều tra xác định anh Ngọc, bà Lê, anh Hải đều không biết số tiền chị M chuyển vào tài khoản của họ để họ đưa lại tiền mặt lại cho T là số tiền do T phạm tội mà có nên không xử lý.

Tại bản cáo trạng số: 13/CT-VKS ngày 13/4/2023, Viện Kiểm sát nhân dân quận Đồ Sơn truy tố Vũ Doãn T về tội "Cưỡng đoạt tài sản" theo khoản 1 Điều 170 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo T khai nhận toàn bộ hành vi 04 lần "Chiếm đoạt tài sản" của chị M với tổng số tiền 6.000.000đ (sáu triệu đồng) và các tình tiết khác có liên quan như nội dung vụ án đã nêu và khai: Do bị cáo chỉ nhắn tin nên chị M không biết người đã nhắn tin đe doạ, uy hiếp tinh thần chị với mục đích chiếm đoạt tiền của chị M chính là bị cáo. Khi ra đầu thú, bị cáo đã nộp lại 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy A23 của bị cáo dùng để nhắn tin đe dọa, yêu cầu chị M chuyển tiền. 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Note 10 bị cáo sử dụng để chụp ảnh chị M khỏa thân và ghi hình Video clip quan hệ tình dục giữa bị cáo với chị M, bị cáo đã bán cho người không quen biết nên không biết họ tên, địa chỉ. Bị cáo đã bồi thường chị M nhận lại đủ số tiền 6.000.000đ (sáu triệu đồng), chị M có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Sau quá trình thẩm vấn, đánh giá tính chất của vụ án cùng các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, đặc điểm nhân thân của bị cáo. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Đồ Sơn trình bày lời luận tội, quan điểm truy tố bị cáo về tội danh, điều luật áp dụng như nội dung bản cáo trạng; đề xuất về mức hình phạt, xử lý vật chứng, các vấn đề khác cần phải giải quyết trong vụ án và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng khoản 1 Điều 170 Bộ luật Hình sự; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo:

+ Vũ Doãn T mức án từ 12 (mười hai) tháng đến 15 (mười lăm) tháng tù về tội "Cưỡng đoạt tài sản"; trừ cho bị cáo thời gian bị tạm giữ vào thời hạn chấp hành hình phạt tù.

- Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 173 Bộ luật Hình sự, người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000đ (mười triệu đồng) đến 100.000.000đ (một trăm triệu đồng). Nhưng xét hoàn cảnh bị cáo không có tài sản riêng, không có thu nhập ổn định, nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

- Về trách nhiệm dân sự: Tài sản bị chiếm đoạt là số tiền 6.000.000đ (sáu triệu đồng), bị cáo đã bồi thường bị hại nhận lại đủ, bị hại không yêu cầu bị cáo bồi thường gì khác nên không đặt ra xem xét.

- Về xử lý vật chứng:

+ 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Note 10, hiện chưa thu hồi được, nên không có cơ sở để xem xét, giải quyết.

+ Áp dụng khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự, điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung A23, bị cáo sử dụng để thực hiện hành vi phạm tội. Do đó, cần tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước.

- Về án phí: Buộc bị cáo phải nộp 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Đối với anh Ngọc, bà Lê, anh Hải đều không biết việc Vũ Doãn T sử dụng ảnh, video nhạy cảm để chiếm đoạt tài sản của chị M nên Cơ quan điều tra không xử lý; Vũ Doãn T không phát tán các hình ảnh, video nhạy cảm của chị M lên mạng xã hội nên Cơ quan điều tra không xem xét xử lý đối với T về hành vi truyền bá văn hóa phẩm đồi trụy đều là đúng quy định.

Sau khi đại diện Viện Kiểm sát giữ quyền công tố luận tội và tranh luận, bị cáo thành khẩn khai nhận tội và tỏ ra ăn năn hối cải, xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

- Về tố tụng:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an quận Đồ Sơn, Điều tra viên; Viện Kiểm sát nhân dân quận Đồ Sơn, Kiểm sát viên, trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại đều không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Đối với chị M, anh Ngọc, bà Lê, anh Hải đều đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa. Tuy nhiên, những người này đều đã có lời khai đầy đủ, phù hợp với lời khai của bị cáo và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, chị M đã nhận lại đủ số tiền bị chiếm đoạt 6.000.000đ (sáu triệu đồng) do bị cáo bồi thường, nay chị không yêu cầu bị cáo bồi thường gì khác. Xác định, sự vắng mặt của họ không làm ảnh hưởng đến việc xét xử vụ án. Do đó, Hội đồng xét xử tiến

hành xét xử vắng mặt họ như đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa theo quy định tại các điều 292, 293 Bộ luật Tố tụng hình sự.

- Về tội danh, điều luật áp dụng:

[3] Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với đơn trình báo, biên bản tiếp nhận nguồn tin về tội phạm, đơn xin đầu thú, biên bản tiếp nhận người phạm tội ra đầu thú; các biên bản nhận dạng, biên bản ghi lời khai, bản tường trình của bị hại, những người làm chứng; vật chứng thu giữ, kết luận giám định vật chứng và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án thể hiện: Từ ngày 20/5/2022 đến ngày 03/9/2022, bị cáo Vũ Doãn T nhiều lần dùng điện thoại của bị cáo và sử dụng tài khoản trên mạng xã hội Facebook của bị cáo có tên là "Trieu Vy" gửi 06 hình ảnh nhạy cảm của chị M, T đã chụp lại từ trước vào tài khoản trên mạng xã hội Facebook của chị M có tên là "Mễ Mễ" cho chị M biết, rồi nhắn tin đe dọa sẽ gửi hình ảnh, Video clip ghi hình ảnh nhạy cảm của chị M cho người thân, bạn bè của chị M và sẽ phát tán lên mạng xã hội nếu chị M không chuyển tiền theo yêu cầu của T nhằm mục đích buộc chị M phải chuyển khoản cho T tổng số tiền 14.000.000^{đ} (mười bốn triệu đồng). Do chị M không có đủ tiền nên chỉ chuyển khoản 04 lần với tổng số tiền 6.000.000^{đ} (sáu triệu đồng) vào tài khoản của 03 người làm chứng, khi những người này đưa T nhận tiền mặt, T chi tiêu cá nhân hết. Hành vi của T đã có đủ các yếu tố cấu thành tội "Cưỡng đoạt tài sản" theo quy định tại Điều 170 Bộ luật Hình sự.

- Về tình tiết định khung:

[4] Với hành vi nêu trên của bị cáo, xác định: Bị cáo "Có thủ đoạn uy hiếp tinh thần người khác nhằm chiếm đoạt tài sản" của bị hại với tổng số tiền 6.000.000^{đ} (sáu triệu đồng) nên đã có đủ các yếu tố cấu thành tội "Cưỡng đoạt tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 170 Bộ luật Hình sự như Viện kiểm sát đã truy tố là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[5] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo chưa có tiền sự, tiền án. Tuy nhiên, bị cáo 04 lần thực hiện hành vi "Chiếm đoạt tài sản" của bị hại nên phải chịu 01 tình tiết tăng nặng "Phạm tội 02 lần trở lên" theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự. Do đó, cần áp dụng một mức hình phạt nghiêm đối với bị cáo, đồng thời để phòng ngừa chung.

[6] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Sau khi phạm tội, bị cáo ra đầu thú; trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; bị cáo đã tự nguyện bồi thường bị hại đủ số tiền chiếm đoạt, bị hại có đơn xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo. Do đó, bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự "Người phạm

tội tự nguyện bồi thường thiệt hại", "Người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải", "Đầu thú" theo quy định tại các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

- Về hình phạt, trách nhiệm bồi thường thiệt hại, vấn đề dân sự:

[7] Về hình phạt chính: Từ những phân tích về tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội, về nhân thân; các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo. Đánh giá hành vi bị cáo 04 lần "Cưỡng đoạt tài sản" của bị hại thuộc loại tội phạm nghiêm trọng. Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không những xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của người khác, ảnh hưởng đến trật tự an toàn xã hội mà còn gây tâm lý bức xúc trong nhân dân. Xác định loại hình phạt: Hội đồng xét xử nhận thấy, cần bắt bị cáo phải cách ly khỏi xã hội một thời gian. Tuy nhiên, do bị cáo có 04 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, gồm 03 tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự và 01 tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Nên chỉ cần xử phạt bị cáo với mức hình phạt phù hợp, tương tự như đề xuất của Kiểm sát viên tại phiên toà cũng đủ tác dụng để răn đe, cải tạo, giáo dục bị cáo và phòng ngừa tội phạm chung.

[8] Về hình phạt bổ sung: Bị cáo làm lao động tự do, thu nhập không ổn định, không có tài sản riêng có giá trị. Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo là có cơ sở, được chấp nhận. Nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[9] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại đã nhận lại đầy đủ tài sản bị chiếm đoạt, không yêu cầu bị cáo bồi thường gì khác, nên không đặt ra xem xét về trách nhiệm đối với bị cáo.

- Về xử lý vật chứng:

[10] 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung A23 (ký hiệu A) do bị cáo tự nguyện giao nộp, Cơ quan điều tra đã chuyển theo biên bản giao nhận ngày 19/4/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự quận Đồ Sơn là "Phương tiện dùng vào việc phạm tội" nên cần tịch thu để sung vào ngân sách Nhà nước.

- Các vấn đề khác:

[11] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

[12] Đối với anh Ngọc, bà Lê, anh Hải có hành vi cho T biết, nhờ số tài khoản để chị M chuyển tiền từ tài khoản của chị M vào tài khoản của họ, sau đó đưa lại tiền mặt cho T. Tuy nhiên, họ đều không biết trước đó T sử dụng hình ảnh, Video clip ghi hình ảnh nhạy cảm của chị M để uy hiếp tinh thần của chị M nhằm buộc chị phải chuyển tiền vào các số tài khoản của họ để T chiếm đoạt tài sản nên Cơ quan điều tra không xử lý; T không phát tán các hình ảnh, Video clip ghi hình

ảnh nhạy cảm của chị M lên mạng xã hội nên Cơ quan điều tra không xem xét xử lý đối với T về hành vi "Truyền bá văn hóa phẩm đồi truỵ" đều có cơ sở và phù hợp với các quy định của pháp luật. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Về hình phạt chính:

Căn cứ khoản 1 Điều 170; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật Hình sự; Xử phạt bị cáo:

Vũ Doãn T 12 (mười hai) tháng tù về tội "Cưỡng đoạt tài sản"; trừ cho bị cáo thời gian bị tạm giữ từ ngày 06/9/2022 đến ngày 15/9/2022 vào thời hạn chấp hành hình phạt tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù đối với bị cáo tính từ ngày đi chấp hành án phạt tù.

- Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

- Về xử lý vật chứng:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự: Tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung A23 theo biên bản giao nhận ngày 19/4/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự quận Đồ Sơn.

- Về án phí:

Căn cứ khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Bị cáo phải nộp 200.000^{đ} (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7^{a} và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

- Về quyền kháng cáo:

Căn cứ các điều 331, 333 của Bộ luật Hình sự: Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị hại có quyền kháng cáo bản

án trong thời hạn 15 ngày, tính từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân TP. Hải Phòng;
- VKSND TP. Hải Phòng;
- VKSND quận Đồ Sơn, HP;
- Công an quận Đồ Sơn + PV 06 HP;
- THAHS + PC 10 HP;
- Chi cục THADS quận Đồ Sơn + Sở Tư pháp HP;
- Bị cáo, bị hại;
- UBND xã Bắc Sơn, huyện An Dương, HP;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, án văn.

Nguyễn Đức Hoàng

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hoàng Thị Yến **Lê Thị Mai Hương** **Nguyễn Đức Hoàng**